



jī dì
基地

Noun · base

Example Sentences

zhè shì wǒ men de jī dì
这是我们的基地。

This is our base.

zhè ge mì mì jī dì shì wǒ men tóng nián shí wán shuǎ de dì fāng
这个秘密基地是我们童年时玩耍的地方。

This secret base was the place where we played during our childhood.

tā men zài shān lǐ jiàn le yí gè xùn liàn jī dì
他们在山里建了一个训练基地。

They built a training base in the mountains.

Trace each character, then write the word on your own.

基	基	基	基	基	基	基	基	基	基	基
基	基	基								

地	地	地	地	地	地	地	地	地		

